

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 169/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đổi

Ông Nguyễn Chí Lin

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thoại Tấn C, sinh năm 1986; địa chỉ: Số D P, Phường C, quận P, Tp ..

Bị đơn: Bà Lê Lâm Thị Quỳnh N, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(ông C có đơn xin xét xử vắng mặt, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Thoại Tấn C1 trình bày:

Ông và bà N có tìm hiểu nhau, sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 21/12/2021. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Ông nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn được nữa nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Vì bận công việc nên ông **C1** đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Bị đơn bà **Lê Lâm Quỳnh N** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông **Huỳnh Thoại Tuấn C1** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà **Lê Lâm Quỳnh N**, bà **N** đang cư trú tại **xã T, huyện Đ, tỉnh Long An** nên Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Ông **C1** và bà **N** tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã **T, huyện Đ, tỉnh Long An** nên hôn nhân giữa ông **C1** và bà **N** là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông **C1** trình bày quá trình chung sống giữa ông **C1** và bà **N** đã phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2024 cho đến nay, ông kiên quyết yêu cầu Tòa án cho ông ly hôn với bà **N**. Bị đơn bà **N** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông **C1** nhưng vắng mặt và không có ý kiến gửi cho Tòa án. Điều này cho thấy bà **N** không có mong muốn hàn gắn tình cảm với ông **C1**, mâu thuẫn giữa ông **C1** và bà **N** là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc ông **C1** kiên quyết ly hôn với bà **N** là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông **C1** xác định không có con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc ông **Huỳnh Thoại Tuấn C1** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 18, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông **Huỳnh Thoại Tuấn C1** về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với bà **Lê Lâm Quỳnh N.**

Về hôn nhân: Ông **Huỳnh Thoại Tuấn C1** được ly hôn với bà **Lê Lâm Quỳnh N.**

Về nuôi con chung: Không có, Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Buộc ông **Huỳnh Thoại Tuấn C1** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà ông **C1** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000809 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, ông **C1** đã nộp đủ.

3. Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (*để biết*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Như